

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 940/2024/HC-PT

Ngày 30 tháng 8 năm 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.
Ông Dương Anh Văn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án vụ án hành chính thụ lý số: 467/2024/TLPT-HC ngày 22/5/2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2648/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Ngô Thị B, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Thanh Đ - Chi nhánh Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin xét xử vắng mặt; xin xét xử vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị B – Là người khởi kiện.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Ngô Thị B trình bày:

Bà Ngô Thị B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 2.781,6m², thửa số 22, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Phần đất của bà có tiếp giáp với con đường công cộng chiều rộng 2,7m nối dài ra đường lớn. Bà B có trồng trụ bê tông hai bên đường ngoài phạm vi chiều rộng 2,7m để không cho các hộ dân khác lấn chiếm đường.

Ngày 11/02/2022, Ủy ban nhân dân xã B, huyện G lập Biên bản vi phạm hành chính về việc bà trồng trụ bê tông và rào lưới B40 trên phạm vi đất dành cho đường bộ. Ngày 14/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định số: 83/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính bà B số tiền 750.000 đồng về hành vi nói trên. Bà B cho rằng bà không vi phạm hành chính vì phần đất bà trồng trụ bê tông và rào lưới B40 không phải nằm trong phạm vi con đường công cộng có chiều rộng 2,7m.

Ngày 03/3/2022, bà Ngô Thị B khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC. Ngày 29/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ra Quyết định số: 839/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ngô Thị B (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Bà B tiếp tục khiếu nại Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G.

Ngày 20/5/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Công văn số: 935/UBND-TD trả lời khiếu nại (lần 2) cho bà B với nội dung: việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B; hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; hủy Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2).

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và người liên quan Ủy ban nhân dân xã B có ý kiến:

Trong các trụ xi măng mà bà B đã dựng hai bên đường thì có 03 trụ bà B dựng trên phần đường công cộng có chiều ngang 2,7 mét do Ủy ban nhân dân xã B quản lý, còn 10 trụ xi măng có gắn kèm B40 bà B trồng trên đất của những hộ dân giáp ranh con đường, phần đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của các hộ dân giáp ranh đường nhưng đã đồng ý bỏ ra làm đường đi chung cho rộng nên cũng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã B. Việc các hộ dân này chưa đất mở rộng đường có biên bản làm việc và trên thực tế các hộ dân này cũng đã xây hàng rào kiên cố bỏ phần đất chưa làm đường này ra. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đường công cộng tiếp giáp đất bà B có chiều ngang 2,7 mét. Nhưng trên thực tế con đường có chiều ngang đầu tiếp giáp đường nhựa rộng 3,86 mét, đoạn cuối con đường giáp đất bà B rộng 4,4 mét là do các hộ dân giáp ranh với đường chưa đất của họ để mở rộng lối đi. Quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân xã B là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B, vì bà B đã có hành vi trồng trụ bê tông xi măng và rào lưới B40 trên phạm vi đất dành cho đường bộ vi phạm quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 12, Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G có ý kiến:* Đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chứng cứ mà các bên cung cấp và thu thập được để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2024/HC-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3, Điều 32, Điều 143, 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 38, 52, 57, 58, 59, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về yêu cầu hủy: Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2) đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân xã B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chấm dứt hành vi không giao Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2024, bà Ngô Thị B là người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện bà Ngô Thị B giữ nguyên kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến: Theo đo vẽ thể hiện có 03 trụ bê tông nằm trên đường công cộng nhưng không gây cản trở giao thông cho bất cứ cá nhân nào theo quy định tại Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Hơn nữa con đường này do bà B khai phá từ năm 1981 nhưng do không am hiểu pháp luật nên bà B không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà B, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị B hợp lệ, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị B làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà Ngô Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B; hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; hủy Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; hủy Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2). Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2) là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 38, 52, 57, 58, 59, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

Người khởi kiện bà Ngô Thị B khai bà có thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 thể hiện con đường chiều ngang 2,7 mét, bà B trồng trụ xi măng nằm ngoài phần đất 2,7 mét ngang, nghĩa là các trụ xi măng không nằm trong phần đất công cộng do Nhà nước quản lý. Do đó, bà B không đồng ý với nội dung biên bản vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân xã B lập ngày 11/02/2022.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã B thì cho rằng ngày 16/6/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B kiểm tra phát hiện bà B đã trồng 13 trụ xi măng hai bên đường công cộng, làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ và khó khăn trong việc đi lại của các hộ dân khác, nên ngày 18/01/2022 Ủy ban nhân dân xã B kết hợp với các ban ngành, đoàn thể của xã và Ban Q tổ chức buổi đối thoại, vận động với bà Ngô Thị B chấp hành quy định pháp luật, phân tích hành vi vi phạm của bà B quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Nhưng bà Ngô Thị B cho rằng bà không vi phạm và giữ nguyên các trụ bê tông xi măng và lưới B40 đã rào. Do đó, ngày 11/02/2022 Ủy ban nhân dân xã B tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC về việc bà Ngô Thị B trồng trụ bê tông xi măng và rào lưới B40 trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

Xét thấy: Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2022 bà Ngô Thị B có ý kiến “Việc trồng trụ bê tông – xi măng là không để cho các hộ dân lấn chiếm con đường (rào dọc theo con đường); tôi không đồng ý tháo dỡ trụ bê tông xi măng và lưới B40”. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023 (bút lục 100-101) đã xác định: Bà B có trồng 03 trụ xi măng cao 1,6m trên phần đường công cộng; 07 trụ xi măng lấn thửa 17, bản đồ số 05; 03 xi măng lấn thửa 115, tờ bản đồ số 05. Tất cả đều được kéo lưới B40 ngoại trừ trụ đầu tiên đến trụ thứ hai không có kéo lưới B40; Tại sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 13/6/2023 (bút lục 96-97) thể hiện 13 trụ bê tông do bà Ngô Thị B trồng, trong đó có 03 trụ xi măng chôn trên con đường công cộng, 10 trụ xi măng trồng trên đất của những hộ dân tiếp giáp đường công cộng.

Đồng thời tại các biên bản xác minh ngày 12/7/2023 (bút lục 102-104) người làm chứng bà Phùng Thúy K khai: “Tôi đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 17 tờ bản đồ số 05. Nhà bà B có vị trí phía sau đất của tôi, có lối đi từ đất bà B ra lối đi này. Vì muốn có lối đi rộng nên bà B đã trồng các trụ xi măng lấn vào đất của tôi và có trụ lấn ra con đường. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã yêu cầu bà B tháo dỡ các trụ xi măng và kềm B40 mà bà B đã kéo dọc hai bên con đường”; người làm chứng ông Đỗ An T khai: “Phần đất của tôi thuộc thửa

115 tọa lạc tại ấp F xã B, tại phần đất của tôi bà B đã trồng 3 trụ xi măng và kéo lưới B40 tại vị trí giáp lối đi công cộng yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B buộc bà B tháo dỡ các trụ xi măng trả lại mặt bằng thông thoáng cho con đường, tránh cản trở giao thông”.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 11/02/2022 do Ủy ban nhân dân xã B lập đối với bà Ngô Thị B do bà B đã có hành vi vi phạm hành chính: Trồng 13 trụ bê tông xi măng và rào lưới B40 trong phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ là có căn cứ.

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ: “Đặt cổng chào, hoặc các vật che chắn khác trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ”.

Do đó, ngày 14/02/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 và quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, ban hành Quyết định số: 83/QĐ-XPVPHC, xử phạt bà B 750.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Trả lại hiện trạng ban đầu trước khi vi phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 là đúng pháp luật, nên Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B và Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2) bác đơn khiếu nại của bà B là có căn cứ.

Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà B yêu cầu hủy: Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2) là đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B kháng cáo cho rằng bà trồng những trụ xi măng trên con đường do gia đình bà khai phá để làm đường đi là để ngăn không cho các hộ dân khác lấn chiếm đường công cộng và việc trồng trụ bê tông ngoài phạm vi con đường 2,7m do Nhà nước quản lý là chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ như viện dẫn trên. Nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà B và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng xét bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân xã B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chấm dứt hành vi không giao Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B và giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; về chi phí tố tụng; về án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị B.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2024/HC-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32, Điều 143, 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 38, 52, 57, 58, 59, 67, 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về yêu cầu hủy: Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) và Công văn số: 935/UBND-TD ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc trả lời khiếu nại (lần 2) đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số:

83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

3. Bà Ngô Thị B được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về việc buộc Ủy ban nhân dân xã B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chấm dứt hành vi không giao Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã B và giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 83/QĐ-XPVPHC ngày 14/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; về chi phí tố tụng; về án phí sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**